

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh Thanh Hóa; dự kiến, định hướng
giai đoạn 2026-2030 và đến năm 2035**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình)

1.1. Công tác triển khai thực hiện

Trên cơ sở khung văn bản thực hiện Chương trình được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành; UBND tỉnh đã trực tiếp tham mưu và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trực tiếp Chương trình và hằng năm; đồng thời tham mưu tổ chức và chủ trì tổ chức các Hội nghị triển khai Chương trình, sơ kết 02 năm, tổng kết hằng năm, hội nghị chuyên đề để quán triệt, triển khai các quy định, hướng dẫn của Trung ương, làm cơ sở cho các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

1.2. Về tổ chức bộ máy (Việc thành lập, kiện toàn và hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình NTM các cấp; bộ máy tổ chức cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình NTM các cấp)

Căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình tại Quyết định số 404-QĐ/TU ngày 05/3/2021 và kiện toàn tại Quyết định số 2747-QĐ/TU ngày 08/8/2023, trong đó đồng chí Bí thư Tỉnh ủy là Trưởng ban, các đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh và Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Phó Trưởng ban. Để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, nội dung của các Chương trình, Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG đã ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 02/7/2021, phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 02-QĐ/BCĐ ngày 02/7/2021 và đã được thay thế bởi Quyết định số 04-QĐ/BCĐ ngày 29/11/2023. Trên cơ sở đó, các đơn vị cấp

huyện và cấp xã đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện, cấp xã, tạo sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chương trình giữa các cấp, các ngành.

Văn phòng Điều phối NTM tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung nhiệm vụ tham mưu thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tại Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 03/4/2023, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu cho BCD tỉnh, UBND tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục duy trì và kịp thời kiện toàn BCD (cấp huyện, xã), Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện và cán bộ NTM cấp xã, Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp huyện để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tham mưu tổ chức triển khai thực hiện xây dựng NTM ở địa phương, đảm bảo việc thực hiện Chương trình được liên tục và triển khai bài bản.

1.3. Về ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện

Giai đoạn 2021-2025 (tính đến 31/5/2025), Tỉnh ủy đã ban hành 04 Quyết định, 01 Chỉ thị; Ban chỉ đạo tỉnh ban hành 03 Quyết định, 07 Báo cáo; HĐND tỉnh ban hành 25 Nghị quyết (trong đó: có 18 Nghị quyết về phân bổ vốn, 02 Nghị quyết về cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng NTM; 01 Nghị quyết về cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các Chương trình MTQG; 04 Nghị quyết về phát triển sản xuất có liên quan đến Chương trình xây dựng NTM); UBND tỉnh ban hành 81 Quyết định, 40 Kế hoạch, 08 Báo cáo và nhiều văn bản trực tiếp chỉ đạo thực hiện Chương trình.

1.4. Công tác ban hành, lồng ghép chính sách, tích hợp các nguồn vốn thực hiện Chương trình

- *Cơ chế, chính sách của tỉnh:* Ngay từ năm đầu giai đoạn 2021-2025, HĐND tỉnh đã ban hành chính sách khuyến khích xây dựng NTM (tập trung vào nội dung hỗ trợ các địa phương đạt chuẩn, hỗ trợ đầu tư một số tiêu chí về cơ sở hạ tầng cho các xã phấn đấu trong giai đoạn)¹. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ vốn đối ứng² và tình hình thực tế của tỉnh. HĐND tỉnh đã ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình⁽³⁾.

- HĐND tỉnh đã ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các Chương trình MTQG; cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn

¹ Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

² Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

³ Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa⁴.

- UBND tỉnh ban hành Quy định danh mục loại dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 được áp dụng cơ chế đặc thù⁵.

- Đối với quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã có văn bản số 15978/UBND-THKH ngày 26/10/2022 về việc không ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh⁶.

- Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình) đảm bảo thời gian, tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc, trong đó, cụ thể hóa chỉ tiêu tiến độ giải ngân và phân công rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện⁷.

1.5. Công tác thông tin, tuyên truyền

Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) tỉnh, các cơ quan truyền thông, các ngành, các địa phương và các tổ chức đoàn thể thực hiện công tác tập huấn, thông tin, tuyên truyền về xây dựng NTM và phát triển sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, bền vững, với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, chú trọng giới thiệu các mô hình hay, các điển hình trong xây dựng NTM và quảng bá việc phát triển các sản phẩm đặc trưng ở các vùng miền, các sản phẩm OCOP được xếp hạng.

Ủy ban MTTQ tỉnh hướng dẫn Ủy ban MTTQ các cấp tổ chức trên 2.330 hội nghị tập huấn về MTTQ tham gia xây dựng NTM và một số nội dung khác⁸.

Tỉnh Đoàn tiếp tục triển khai phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng NTM

⁴ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND tỉnh ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

⁵ Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh.

⁶ Hiện nay, việc quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG đã được pháp luật quy định cụ thể và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã phân công, phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình (tại Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 16/12/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Văn bản số 7776/UBND-THKH ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh)

⁷ Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh: Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 05/10/2022; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/02/2023, Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 26/01/2023 và nhiều văn bản chỉ đạo khác.

⁸ Phát hành 350 pano về mô hình khu dân cư “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”, khu dân cư “tự quản về an toàn thực phẩm”, khu dân cư “tự quản về môi trường”; phát hành trên 4,4 triệu tờ rơi, áp phích về thực hiện các tiêu chí NTM và nhân rộng 337 mô hình tự quản ở cộng đồng; hướng dẫn 4.352 khu dân cư bổ sung hương ước phù hợp với tiêu chí NTM; tổ chức trên 1.300 cuộc góp ý, phản biện xã hội đối với các cơ chế chính sách của tỉnh; vận động Nhân dân hiến đất, đóng góp ngày công lao động xây dựng các công trình giao thông nông thôn, công trình phúc lợi.

và đô thị văn minh” với nhiều hoạt động thiết thực⁹.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, góp phần vun đắp giá trị gia đình Việt Nam”; triển khai có hiệu quả các đề án, dự án¹⁰.

Các cấp Hội Nông dân đã tập trung tuyên truyền, vận động, chỉ đạo, tổ chức cho nông dân tích cực tham gia phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2021 - 2025 gắn với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”¹¹.

Hội Cựu chiến binh các cấp đã làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời vận động hội viên, tổ chức các hoạt động, xây dựng các phong trào, mô hình, điển hình tiên tiến, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ về giảm nghèo bền vững và xây dựng NTM¹².

Các ban, sở, ngành cấp tỉnh trên cơ sở nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác hằng năm đã triển khai thực hiện nhiều nội dung, hoạt động để lồng ghép vào công tác tập huấn, tuyên truyền về Chương trình xây dựng NTM¹³.

⁹ Xây dựng được 404 km đường giao thông, 35 tuyến đường thanh niên kiểu mẫu “con đường bích họa”, 15km đường điện thấp sáng đường quê, 43 tuyến đường “cột điện nở hoa”, 683 “hàng cây thanh niên” và trồng mới trên 1.300 nghìn cây xanh, 103 “vườn ươm thanh niên lập nghiệp”, khơi thông hơn 135 km kênh mương, rãnh thoát nước, tu sửa 15 nhà văn hóa, xóa 14 nhà tạm, nhà dột nát trị giá 1.050 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng 2020 nhà tiêu hợp vệ sinh; tổ chức 02 đợt đồng loạt ra quân hưởng ứng ngày Chủ nhật xanh, Chồng rác thải nhựa và Hãy làm sạch biển với hơn 20.000 lượt cán bộ đoàn viên tham gia; duy trì là thành lập 600 đội hình “thanh niên tình nguyện bảo vệ môi trường ứng phó biến đổi khí hậu” với 9.000 đoàn viên, thanh niên tham gia, ...

¹⁰ “Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh ở các xã ven biển tỉnh Thanh Hóa”, “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ”; “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”, “Hỗ trợ Hợp tác xã do phụ nữ tham gia, quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030”. Xây dựng và nhân rộng các mô hình như: gần biên 32.459 “Nhà sạch-Vườn mẫu”, “Nhà sạch -Vườn đẹp”; 10 mô hình “Vườn rau xanh-Nhà sạch đẹp-bếp ngăn nắp-chuồng xa nhà”; 150 tuyến “Đường tranh bích họa”, 5000km “Đường hoa-Đường tranh-Hàng cây-Hàng rào xanh”; 1.421 CLB “Gia đình 5 không, 3 sạch”; 499 “Gia đình 5 có-3 sạch” ... Từ các hoạt động tích cực của các cấp Hội, đến nay toàn tỉnh có 610.814 hộ đạt 8 tiêu chí 5 không, 3 sạch, góp phần vun đắp giá trị gia đình Việt Nam, xây dựng NTM, đô thị văn minh.

¹¹ Từ năm 2021 đến nay, các cấp Hội đã vận động hội viên, nông dân hiến 359.297,5 m² đất; tu sửa và làm mới 3.354,5 km đường giao thông nông thôn, kênh mương, khối lượng đào đắp 175.846 m³ đất đá và tham gia xây dựng 2.030 công trình các loại; xây dựng được 806 tổ tự quản về BVMT nông thôn; xây dựng mới 569 mô hình HND tham gia thực hiện các chỉ tiêu về An toàn thực phẩm; vận động 258.281 hộ hội viên, nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn VSTP và 459.629 hội viên, nông dân tham gia đóng bảo hiểm y tế. Riêng 6 tháng đầu năm 2024, Hội Nông dân tỉnh đã tổ chức 10 lớp tập huấn cho 1.500 hội viên về công tác bảo vệ môi trường, bàn giao 200 thùng chứa rác thải, chế phẩm sinh học tại một số huyện trong tỉnh.

¹² Phong trào “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi” tiếp tục được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả. Nổi bật là hai khâu đột phá về làm nhà “nghĩa tình Cựu chiến binh” từ quỹ đóng góp của hội viên và xây dựng mô hình “Cầu lạc bộ Cựu chiến binh giúp nhau phát triển kinh tế”. Tổ chức 05 lần đợt hưởng ứng các cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, Vệ sinh ATTP, sản phẩm OCOP với 1.250 lượt người tham gia

¹³ Tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức quản lý chuyên ngành cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã; trong đó tập trung phổ biến, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung tiêu chí, chỉ tiêu của ngành trong xây dựng xã đạt chuẩn NIM, NIM nâng cao, NIM kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn NIM, NIM nâng cao theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức tập huấn cho các đối tượng là cán bộ xã, tổ Công nghệ số cộng đồng nhằm hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, trong đó chú trọng việc đưa các sản phẩm OCOP lên sàn TMĐT để thúc đẩy việc quảng bá và phát triển kinh tế số. Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới, Tháng hành động vì môi trường và Ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn hàng năm; Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác tổng vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn tỉnh trước và sau Lễ phát động. Sở Công Thương đã tập huấn, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; thực

Từ năm 2021 đến nay, Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh tổ chức 18 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức xây dựng NTM cho 1.360 người là cán bộ xây dựng NTM các cấp; 23 lớp tập huấn cho 1.320 người là cán bộ quản lý và các chủ thể tham gia Chương trình OCOP; 04 lớp chuyển đổi số và thương mại điện tử cho 384 chủ thể OCOP; 05 lớp phát triển du lịch nông thôn cho 371 người là các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực du lịch nông nghiệp nông thôn và lao động du lịch nông thôn. Chủ trì biên tập, phát hành 48.600 cuốn/54 số Bản tin NTM; biên tập, phát hành 1.000 cuốn Catalogue và 2.475 cuốn Bản tin sản phẩm OCOP tỉnh Thanh Hóa; phối hợp với Báo Thanh Hóa xây dựng chuyên đề tuyên truyền với chủ đề “Vươn tới những giá trị cao hơn về chất cho NTM”; xây dựng 04 phóng sự chuyên đề tuyên truyền phát trên Đài phát thanh và TH tỉnh; biên tập, cập nhật hàng trăm tin, bài, video, phóng sự đăng trên Website “nongthonmoithanhhoa.vn”, “ocoptinhthanhhoa.com.vn”. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương để thông tin, tuyên truyền về Chương trình xây dựng NTM và Chương trình OCOP. Hợp đồng đặt mua Báo Nông nghiệp Việt Nam cấp cho các xã xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó, đã góp phần nâng cao nhận thức, tiếp tục tạo sự quan tâm, hưởng ứng, đồng thuận của người dân, các tổ chức và toàn xã hội đối với Chương trình.

1.6. Công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Chương trình

Trên cơ sở Kế hoạch giai đoạn và hằng năm, UBND tỉnh đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn và phụ trách tiêu chí NTM giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và các tiêu chí NTM ở các mức độ cho giai đoạn và từng năm; đồng thời, tổ chức kiểm tra, thẩm định, đánh giá, xác định mức độ hoàn thành các tiêu chí NTM ở các mức độ thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành theo quy định, làm cơ sở đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu cho các địa phương đủ điều kiện.

UBND tỉnh cũng đã phân công nhiệm vụ và chỉ đạo Văn phòng Điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, hằng năm ban hành kế hoạch¹⁴ và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng NTM ở các địa phương trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện. Bên cạnh đó, chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh việc xét, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, đảm bảo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2023, BCĐ tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính (Sở KHĐT), Văn

hiện việc tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh trong dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương hiệu Việt Nam 20/4 và Tuần lễ thương hiệu Quốc gia và trong các đợt kiểm tra công tác duy trì, xây dựng chợ kinh doanh thực phẩm.

¹⁴ Các Kế hoạch: số 195/KH-VPĐP ngày 08/4/2022, số 423/KH-VPĐP ngày 26/4/2023, số 219/KH-VPĐP ngày 11/3/2024 về việc kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện nội dung Chương trình, Chương trình OCOP; Kế hoạch số 491/KH-VPĐP ngày 19/7/2022 về việc kiểm tra các công trình/dự án được hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2022 thuộc danh mục dự án Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

phòng Điều phối NTM, các địa phương và đơn vị có liên quan chuẩn bị các điều kiện và làm việc với Đoàn giám sát của Quốc hội; Đoàn kiểm tra, giám sát của BCĐ Trung ương các Chương trình MTQG; phục vụ Đoàn công tác Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành IV kiểm toán việc thực hiện Chương trình năm 2021-2022 trên địa bàn tỉnh; Đoàn kiểm tra của Bộ Tài chính; Đoàn giám sát của HĐND tỉnh về giám sát thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2023. Các ý kiến chỉ đạo của các đoàn kiểm tra, giám sát; các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước được BCĐ tỉnh, UBND tỉnh nghiêm túc tiếp thu, ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện và báo cáo Kiểm toán Nhà nước kết quả thực hiện (tại Báo cáo số 305/BC-UBND ngày 28/12/2023)¹⁵.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kết quả thực hiện các nội dung thành phần theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

1.1. Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

a. Đối với quy hoạch cấp huyện.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện trong tỉnh đạt 100%. Tất cả các quy hoạch vùng huyện được duyệt đều gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện; các tiểu vùng trong quy hoạch đáp ứng cho việc phát triển kinh tế chủ đạo của tất cả các hình thái kinh tế, như: Sản xuất nông nghiệp; sản xuất hàng hóa; thương mại - dịch vụ; hình thành các điểm dân cư tập trung gắn với sản xuất CN-TTCN và các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ nông, lâm nghiệp nông thôn; phát triển du lịch...

b. Đối với quy hoạch chung xã.

Toàn tỉnh có 338 xã phải lập quy hoạch chung (QHC) xây dựng xã; 114 xã được định hướng phát triển đô thị (bao gồm: 46 xã thuộc quy hoạch chung đô thị của thành phố, thị xã, thị trấn đã được phê duyệt; 68 xã nằm trong chương trình phát triển đô thị mới theo 22 Quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt, vì vậy sẽ lập, thực hiện QHC đô thị). Đến hết tháng 05/2025, đã có 336/338 xã có QHC xây dựng xã đã được duyệt (đạt 99,4%), số xã chưa được phê duyệt quy hoạch là 02 xã (xã Tân Phúc và xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống), tỷ lệ phủ kín quy hoạch đạt 99,4%. Cụ thể:

- Tỷ lệ QHC xây dựng xã được duyệt tại các huyện miền núi là 152/152 đạt 100%;

- Tỷ lệ QHC xây dựng xã được duyệt tại các huyện miền xuôi là 184/186

¹⁵ Năm 2024, theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước (Chuyên ngành IV), UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo các sở, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và báo cáo Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo số 244/BC-UBND ngày 11/10/2024.

đạt 99,4%.

1.2. Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

Căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch và thực trạng các tiêu chí về cơ sở hạ tầng, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư công, kế hoạch sử dụng đất và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định, góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng cấp xã, cấp huyện, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân, phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng tiêu chí NTM. Trong giai đoạn 2021-2025, cùng với nguồn vốn Trung ương, tỉnh hỗ trợ xây dựng NTM; nguồn vốn lồng ghép các chương trình, dự án và huy động các nguồn lực khác, các địa phương đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình trên 3.598 km đường giao thông nông thôn; trên 1.042 km kênh mương và rãnh thoát nước; hơn 339 công trình thủy lợi; 3.495 phòng học các cấp; 1.682 km đường điện, 418 trạm biến áp; 85 trung tâm văn hóa, thể thao xã, 1.052 nhà văn hóa thôn; 92 chợ nông thôn; 105 trạm y tế xã; 46 công trình công sở xã; 97 công trình cấp nước sinh hoạt; 65 công trình bãi chứa rác thải tập trung, xử lý ô nhiễm môi trường; xây dựng mới và chỉnh trang trên 60.000 nhà ở dân cư.

1.3. Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình OCOP nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn..., góp phần nâng cao thu nhập của người dân theo hướng bền vững.

Mặc dù chịu tác động bất lợi của suy thoái kinh tế, tình hình lạm phát gia tăng, hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản vẫn phát triển khá toàn diện¹⁶. Các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục được quan tâm, phát triển, tính đến hết tháng 4/2025, toàn tỉnh có 02 liên hiệp HTX nông nghiệp (ở Ngọc Lặc, Thạch Thành) và 787 HTX nông nghiệp, trong đó, có 645/787 HTX hoạt động có hiệu quả và tham gia liên kết sản xuất và bao tiêu các sản phẩm nông nghiệp, chiếm 80,52%; có 195 HTX có ứng dụng công nghệ cao vào trong quá trình sản xuất kinh doanh; có 95 HTX tham gia sản xuất với 116 sản phẩm OCOP được công nhận; trên 15% tổng số các HTX có ứng dụng chuyển đổi số vào trong sản xuất, tiêu thụ nông sản.

Tăng cường, đẩy mạnh việc thực hiện phát triển sản xuất, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhằm phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân (Từ năm 2023, đã đưa vào hoạt động một số dự

¹⁶ Đã chuyển đổi 1.578,2 ha đất trồng lúa hiệu quả kinh tế thấp sang trồng các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn; tích tụ tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao được 6.200 ha, đạt 100% KH; đặc biệt, năm 2023, lô vải không hạt (Vải Ngọc) đầu tiên của tỉnh (trồng tại huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH nông nghiệp công nghệ cao Hồ Guom-Sông Âm) đã xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Vương Quốc Anh, đánh dấu cột mốc mới trong phát triển nông nghiệp của tỉnh.

án quy mô lớn trong lĩnh vực nông nghiệp: Khu liên hợp sản xuất, chăn nuôi công nghệ cao Xuân Thiện Thanh Hóa 1; Chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp tỉnh Thanh Hóa; Khu chăn nuôi bò giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao Dabaco Thanh Hóa). Nhiều doanh nghiệp và HTX đã đầu tư, liên kết sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap, sản xuất lúa giống, chế biến nông, lâm sản, cơ giới hóa đồng bộ, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh hỗ trợ đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử Postmar.vn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn¹⁷.

1.4. Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Các sở, ngành cấp tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa bàn được phân công; các địa phương tiếp tục tăng cường chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Đặc biệt, chú trọng triển khai các nội dung/dự án thành phần thuộc 02 Chương trình MTQG (*Chương trình giảm nghèo bền vững và Chương trình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*) để hỗ trợ các vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc.

Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tăng cường theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, việc làm để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động; hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phục hồi tích cực, góp phần quan trọng giải quyết việc làm gắn với thu nhập cao cho người lao động¹⁸. Năm 2024, tỉ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,50%, từ 3,52% xuống còn 2,02% (*giảm 14.660 hộ nghèo, từ 35.320 hộ xuống còn 20.660 hộ nghèo*). Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 1,07%, từ 5,57% xuống còn 4,50% (*giảm 9.919 hộ cận nghèo, từ 55.797 hộ xuống còn 45.878 hộ*). Khu vực nông thôn: tỉ lệ hộ nghèo giảm 1,80%; số hộ nghèo còn 18.571 hộ, chiếm 2,53%; tỉ lệ hộ cận nghèo giảm 1,31%, số hộ cận nghèo còn 38.161 hộ, chiếm 5,31%. Công tác bảo

¹⁷ Đến nay, toàn tỉnh đã đưa 87.272 sản phẩm lên sàn thương mại điện tử Postmar.vn, trong đó có 216 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, trên 500 sản phẩm là thế mạnh của địa phương và sản phẩm có truy xuất nguồn gốc, góp phần xây dựng thương hiệu, quảng bá, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường cho các sản phẩm OCOP của tỉnh. Cập nhật, giới thiệu các tin bài để thực hiện truyền thông, quảng bá trên chuyên trang thông tin điện tử giới thiệu nông sản Thanh Hóa “Đồng hành cùng người Việt nâng tầm nông sản Việt” tại địa chỉ: <http://chuyendoiso.thanhhoa.gov.vn/nongsan/Default.aspx>”.

¹⁸ Trong giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho khoảng 238,69 nghìn lao động, trong đó đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho 42,018 nghìn lao động. Đã cấp mới, cấp lại và gia hạn giấy phép cho 6.084 lượt người lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh; giải quyết trợ cấp thất nghiệp cho 95.861 lao động. Các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

vệ, chăm sóc trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm thực hiện; các chương trình, chính sách dân tộc, tôn giáo được triển khai kịp thời, có hiệu quả; đã tập trung triển khai chính sách cấp đất và hỗ trợ nhà ở cho đồng bào nghèo còn sinh sống trên sông trên địa bàn tỉnh.

1.5. Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

- Công tác giáo dục được các ngành, các địa phương tiếp tục quan tâm, chú trọng, tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh¹⁹.

- Công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tiếp tục được quan tâm. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác được tăng cường, không để phát sinh thành ổ dịch, lan rộng ra cộng đồng²⁰.

1.6. Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4794/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030"; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 06/6/2023 về triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023 - 2025". Trên cơ sở đó, phối hợp với các ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án và Kế hoạch thực hiện Đề án gắn với đẩy mạnh triển khai thực hiện các tiêu chí cơ sở

¹⁹ Sở Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn cụ thể từng nội dung thuộc lĩnh vực đến các cơ sở giáo dục; hướng dẫn các phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị, thành phố tham mưu cho Đảng ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng, tu sửa, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy trong trường học theo hướng chuẩn Quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Công tác phổ cập giáo dục ở các cấp học trong toàn tỉnh được quan tâm và đang thực hiện kiểm tra, đánh giá, công nhận theo đúng kế hoạch; số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia là 1.690/1.981 trường (đạt tỷ lệ 85.31%), trong đó, có 575 trường mầm non, 534 trường tiểu học, 520 trường TH&THCS, THCS, 61 trường THPT. Số trung tâm GDNN-GDTX đạt kiểm định chất lượng giáo dục là 10 trung tâm (Hà Trung, Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thọ Xuân, Yên Định, Quảng Xương, Thiệu Hoá, Yên Định, Triệu Sơn). Tỷ lệ số xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, tỷ lệ xóa mù chữ đạt mức độ 2, số xã được đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập cấp xã" từ loại Khá trở lên đều đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt tỷ lệ 90,34% năm học 2022-2023.

²⁰ Các cơ sở y tế tiếp tục nâng cao chất lượng, ứng dụng kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản dễ dàng hơn, có chất lượng, tiết kiệm thời gian và chi phí; triển khai mô hình khám chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VneID; đến nay, 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn đã thực hiện khám, chữa bệnh BHYT. Tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh đến hết tháng 5/2025 đạt 87,36% (chưa tính các nhóm tham gia BHYT ở ngoài tỉnh, ngoài nước và trong lực lượng vũ trang); dự kiến đến 31/12/2025 đạt từ 95% trở lên theo Nghị quyết số 592/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2025, tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh năm 2025.

vật chất văn hóa trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh,...²¹.

1.7. Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.

Công tác bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan sáng-xanh-sạch-đẹp tiếp tục được các ngành, các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và của UBND tỉnh²².

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh đã phối hợp tổ chức triển khai “Chương trình phối hợp hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững”²³. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai các mô hình điểm về hàng rào xanh, cây bóng mát trong xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu²⁴.

Công tác bảo vệ môi trường nông thôn, ý thức bảo vệ môi trường của người dân cũng đã và đang dần đi vào nề nếp; đã quan tâm đến việc thu gom, xử lý rác thải, cải tạo cảnh quan môi trường, trồng hoa, cây xanh dọc hai bên đường, trong khu dân cư, xây dựng đồng bộ mương rãnh thoát nước; khoan giếng để sử dụng nước hợp vệ sinh phục vụ sinh hoạt; xây dựng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, ... nhiều mô hình về bảo vệ môi trường được duy trì và ngày càng nhân rộng²⁵. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục được tăng cường; thực hiện nghiêm theo Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) và đã đạt được những kết quả rất tích cực²⁶.

1.8. Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường

²¹ Tính đến nay, toàn tỉnh có 445/469 xã có cơ sở vật chất văn hóa, thể thao (gồm Hội trường văn hóa đa năng và Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã), đạt tỷ lệ 94,8% (trong đó có 370 xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa, thể thao); 383/469 xã đạt tiêu chí về văn hóa, đạt tỷ lệ 81,6%; 3.748/3.835 thôn, bản có Nhà Văn hoá - Khu Thể thao thôn, bản, đạt tỷ lệ 97,7%; toàn tỉnh có 27 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định công bố đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

²² Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 và Kết luận số 2073-KL/TU ngày 07/9/2020 của Tỉnh ủy. Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 02/02/2021 và Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh

²³ Đăng tải hơn 45.000 tin, bài, ảnh; 60 phóng sự; gần 15.000 tin bài về công tác bảo vệ môi trường trên Website của các ngành; Biên soạn 739.648 cuốn tài liệu tuyên truyền về bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động cấp phát tới cán bộ, hội viên, đoàn viên, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh; treo 69.302 băng rôn, cấp phát, treo 23.875 áp phích, cấp phát 237.120 tờ rơi tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường; tổ chức cho 320.600 hộ dân ký bản cam kết thực hiện bảo vệ môi trường; tổ chức 76 lớp tập huấn cấp tỉnh, 65 lớp tập huấn cấp huyện, 05 hội thảo khoa học về công tác bảo vệ môi trường cho cán bộ, hội viên, đoàn viên thuộc các đơn vị

²⁴ Trong 02 năm 2022-2023, đơn vị đã triển khai 05 mô hình tại 05 xã/04 huyện (Quảng Xương, Hậu Lộc, Nga Sơn và Thiệu Hóa), nhận được sự hưởng ứng của chính quyền địa phương và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân; góp phần lan tỏa, phát động sâu rộng trong toàn dân, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp tham gia trồng hàng rào xanh, cây bóng mát; từng bước thay thế hàng rào cứng bằng hàng rào xanh, góp phần thực hiện hoàn thành các tiêu chí về xã NTM nâng cao, NTM mẫu.

²⁵ Chỉ tiêu thu gom CTR sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn 2021 -2024 đạt tỉ lệ từ 89% trở lên.

²⁶ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định; đã thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát vệ sinh ATTP tại 27.002 cơ sở, xử lý vi phạm 602 cơ sở. Đến nay, toàn tỉnh có 351 chợ được công nhận an toàn thực phẩm/389 chợ đang hoạt động trong tổng số 486 chợ theo quy hoạch của tỉnh; 495 xã, thị trấn được công nhận an toàn thực phẩm.

khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

Công tác truyền thông thúc đẩy chuyển đổi số nói chung, chuyển đổi số trong NTM nói riêng được các cấp ủy, chính quyền quan tâm thực hiện, triển khai đồng bộ từ đầu tư, đổi mới nội dung, hình thức, tần suất tuyên truyền, đa dạng các phương thức truyền thông. Các mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số đã được triển khai thực hiện.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn được tăng cường thực hiện²⁷. Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương được quan tâm chỉ đạo thực hiện²⁸.

1.9. Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội để tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân đoàn kết tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống, khuyến khích làm giàu chính đáng; xây dựng đời sống văn hóa, chăm lo sự nghiệp giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng gia đình văn hóa, phát huy truyền thống tương thân, tương ái; tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp; chấp hành pháp luật, bảo đảm trật tự xã hội; phát huy dân chủ, tích cực tham gia giám sát và phản biện xã hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh²⁹.

²⁷ Trong giai đoạn 2021-2025, Sở Tư pháp đã tổ chức 42 Hội nghị nhằm tuyên truyền, tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ, kỹ năng xây dựng và đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cũng như mục đích, ý nghĩa, vị trí, vai trò của công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho trên 10.700 đại biểu; biên soạn 96.000 tờ gấp pháp luật và 2.560 cuốn Cẩm nang về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cấp phát miễn phí cho cán bộ và người dân trên địa bàn; trang bị 15 tủ sách pháp luật với hơn 80 đầu sách/tủ cấp phát cho 15 xã đăng ký chỉ đạo điềm về đích NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Tổ chức 23 đợt kiểm tra việc thực hiện các quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại 23 huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh; thực hiện viết hơn 200 tin bài về công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn liền với xây dựng xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu ... Qua kiểm tra đã kịp thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế cho các đơn vị để sớm khắc phục, đảm bảo việc thực hiện tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật trong xây dựng NTM trên địa bàn.

²⁸ Triển khai các mô hình thực hành thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức 179 lớp tập huấn nâng cao năng lực về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho 12.460 lượt người; hỗ trợ tổ chức 163 lớp dạy bơi an toàn cho 2.668 trẻ em; 64 lớp tập huấn trang bị kiến thức, kỹ năng về bình đẳng giới cho trên 5.120 lượt người. In, treo 290 băng rôn, 110.000 tờ rơi, 23 panô tuyên truyền, 7.500 cuốn tài liệu về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và về công tác bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; lắp đặt 150 biển cảnh báo, biển cấm ở các khu vực có nguy cơ cao xảy ra tai nạn đuối nước trẻ em. Chỉ đạo Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh thực hiện nhiều hoạt động thiết thực hỗ trợ cho 1.025 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí trên 750 triệu đồng. Đến nay, 100% số vụ xâm hại trẻ em đều được phối hợp, can thiệp, trợ giúp và xử lý kịp thời; 100% gia đình có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích được hỗ trợ mai táng, thăm hỏi, động viên; có 488.215 nữ lao động làm công hưởng lương đạt tỷ lệ 48,94%, vượt 3,94% so với kế hoạch đề ra.

²⁹ Kết quả, từ năm 2021 đến nay, MTTQ các cấp trong tỉnh đã vận động và tiếp nhận trên 304,389 tỷ đồng để hỗ trợ, sửa chữa và làm mới 5.277 căn nhà Đại đoàn kết; huy động an sinh xã hội đạt trên 995,37 tỷ đồng để hỗ trợ các công trình an sinh, hỗ trợ sản xuất, bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo, học sinh nghèo vượt khó... vận

Các cấp Hội Nông dân trên địa bàn toàn tỉnh đã triển khai, vận động, tổ chức cho nông dân tích cực tham gia phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”³⁰. Các cấp Hội Cựu chiến binh đã triển khai, vận động hội viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng NTM³¹.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đẩy mạnh các hoạt động ...³² Hỗ trợ xây/sửa 539 nhà “*Mái ấm tình thương*” trị giá gần 17,3 tỷ đồng; vận động, hỗ trợ chăm sóc, đỡ đầu 2.239 trẻ mồ côi với kinh phí khoảng 6 tỷ đồng/năm...

Các cấp bộ Đoàn quan tâm triển khai các hoạt động đồng hành cùng thanh niên trong khởi nghiệp, lập nghiệp³³.

1.10. Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội nông thôn được giữ vững, ổn định; Công an cấp xã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền triển khai kịp thời, có hiệu quả các kế hoạch, biện pháp về công tác bảo đảm an ninh nông thôn, phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ tại địa bàn cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm ANTT trong tình hình mới. Toàn tỉnh có 403 xã, thị trấn được đưa ra khỏi

động Nhân dân hiến trên 61,7 ha đất, sửa chữa và làm hơn 297 km đường giao thông nông thôn và các công trình phúc lợi; đóng góp trên 393.000 ngày công để xây dựng NTM.

³⁰ Bình quân hằng năm có trên 400 ngàn hộ nông dân đăng ký, 280 ngàn hộ đạt danh hiệu Nông dân SXKD giỏi 3 cấp. Từ năm 2021 đến nay, các cấp Hội đã vận động, tương trợ nông dân giúp nhau về tiền, lương thực, thực phẩm, hàng hoá, cây, con giống trị giá được 110.034,13 triệu đồng và 118.608,177 ngày công lao động; trực tiếp hỗ trợ giúp 7.531 lượt hộ nông dân có hoàn cảnh khó khăn. Hướng dẫn, hỗ trợ thành lập 141 hợp tác xã, 833 tổ hợp tác và 433 doanh nghiệp; hỗ trợ, giúp hội viên, nông dân được vay vốn qua Ngân hàng NN và PTNT, Ngân hàng CSXH, Ngân hàng CP Bưu điện Liên Việt với tổng dư nợ hơn 16 nghìn tỷ đồng; quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh với hơn 38,63 tỷ đồng; tập huấn chuyển giao KHKT cho hàng triệu lượt người; cung ứng hàng trăm ngàn tấn vật tư nông nghiệp chậm trả như phân bón, giống... để phát triển sản xuất, kinh doanh nâng cao thu nhập và đời sống của hội viên, nông dân.

³¹ Hiến 28.350 m² đất để làm đường giao thông nông thôn; thực hiện di dời, bàn giao mặt bằng cho các dự án với tổng diện tích 250 ha; tham gia cứng hóa 185 km đường liên thôn với 14.500 ngày công; nạo vét 268 km kênh, mương thủy lợi với 17.000 ngày công; tự nguyện góp tiền, vật chất khác để xây dựng NTM với tổng kinh phí 2.950 triệu đồng; trồng 35.000 cây xanh các loại; Khoanh nuôi bảo vệ rừng và trồng mới 47.125 ha rừng;...

³² Kết quả, trong giai đoạn 2021-2025, các cấp Hội đã hỗ trợ 3.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp, trong đó có thành lập mới 565 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; hằng năm, tổ chức cuộc thi “Sản phẩm, ý tưởng khởi nghiệp và “Ngày phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp” gắn với các chủ thể để phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, tạo cơ hội tiếp cận vốn, KHKT, kết nối cung cầu sản phẩm cho phụ nữ; hỗ trợ thành lập mới 49 mô hình kinh tế tập thể, nâng tổng số mô hình kinh tế tập thể do phụ nữ làm chủ lên 372 mô hình (102 HTX, 114 THT, 156 tổ liên kết)...

³³ Tư vấn, hướng nghiệp cho trên 161.110 thanh niên, trong đó có 19.210 thanh niên được giới thiệu việc làm; hỗ trợ triển khai, thực hiện hóa 490 ý tưởng sáng kiến, 45 dự án khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ; 116 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh được thành lập mới do thanh niên làm chủ; hỗ trợ, tư vấn thành lập mới 30 câu lạc bộ thanh niên làm kinh tế; duy trì hoạt động hiệu quả mô hình Bí thư chi đoàn tiên phong khởi nghiệp. Toàn tỉnh hiện có 713 sổ tiết kiệm và vốn vay do Đoàn thanh niên quản lý với tổng nguồn vốn ủy thác đạt 1.630.973 tỷ đồng. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổ chức triển khai Chương trình tín dụng ưu đãi hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tại 26/26 huyện, thị xã, thành phố, tạo việc làm ổn định cho gần 1.000 lao động với tổng dư nợ là 71.000 triệu đồng. Đặc biệt, năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã phối hợp với UBND huyện Như Thanh thống nhất lựa chọn và hỗ trợ xã Xuân Phúc xây dựng NTM, cụ thể: Xây dựng công trình thanh niên trị giá 50 triệu đồng, trao tặng mô hình phân loại, xử lý rác thải hộ gia đình, tổ chức 02 đội hình thanh niên tình nguyện về địa phương để hỗ trợ xây dựng NTM.

dan sách trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự (*hiện nay trên địa bàn tỉnh không còn xã, thị trấn trong danh sách trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự*).

Hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và công tác quốc phòng toàn dân được quan tâm. Lực lượng dân quân... trong xây dựng NTM.

1.11. Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.

- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện Chương trình tiếp tục được Tỉnh ủy, HĐND, BCD, UBND tỉnh quan tâm, tăng cường chỉ đạo; các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động kiểm tra hoặc phối hợp kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, qua đó giúp các địa phương phát huy, nhân rộng những mô hình tốt, cách làm hay; phát hiện, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện Chương trình; đồng thời, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của các địa phương để xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị Trung ương những nội dung vượt thẩm quyền³⁴.

- Công tác phối hợp phục vụ kiểm tra, giám sát, kiểm toán của Trung ương, HĐND tỉnh được BCD tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, cầu thị.

- Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM” được các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo, nhân dân nhiệt tình hưởng ứng³⁵.

2. Kết quả triển khai 06 Chương trình chuyên đề hỗ trợ thực hiện Chương trình

Căn cứ 06 chương trình chuyên đề thuộc Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*gồm: Chương trình OCOP; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh; Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; Chương trình phát triển du lịch nông thôn; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM; Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện*

³⁴ Trong giai đoạn 2021-2025, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã ban hành các Kế hoạch và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra tình hình, kết quả thực hiện nội dung Chương trình, Chương trình OCOP trên địa bàn 22 huyện. Sau khi kiểm tra, Văn phòng có công văn thông báo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình đến từng huyện được kiểm tra. Bên cạnh đó, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện xây dựng NTM ở các địa phương trên địa bàn tỉnh theo các lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

³⁵ Tại Hội nghị toàn tỉnh sơ kết 02 năm thực hiện Chương trình, được tổ chức vào tháng 3/2023, có 87 tập thể và 43 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen vì có nhiều thành tích trong phong trào thi đua “Chung sức xây dựng NTM” năm 2021-2022. Năm 2024, tại Hội nghị đánh giá tình hình thực hiện Chương trình năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024 và biểu dương điển hình tiên tiến trong thực hiện phong trào thi đua hiến đất chung sức xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tặng Bằng khen cho 17 tập thể, 91 hộ gia đình và 38 cá nhân vì đã có nhiều thành tích trong phong trào hiến đất xây dựng NTM. Hiện, tỉnh Thanh Hóa đang đề nghị Trung ương khen thưởng cho 02 tập thể được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng 3; 03 tập thể được Chính phủ tặng Cờ thi đua; 13 tập thể, 03 cá nhân và 06 doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện “Phong trào cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.

tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch để các sở, ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

2.1. Chương trình OCOP:

Giai đoạn 2021-2025, có 582 sản phẩm OCOP đã được công nhận (trong đó, có 02 sản phẩm 5 sao, 44 sản phẩm 4 sao và 536 sản phẩm 3 sao); trên cơ sở khảo sát đánh giá tại các cơ sở sản xuất và các chủ thể OCOP cho thấy, sản phẩm sau khi được công nhận xếp hạng OCOP cấp tỉnh đều tăng trưởng cả về quy mô, số lượng và doanh thu bán hàng (*khoảng 15-20%*).

UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng Điều phối NTM tỉnh và các sở, ngành có liên quan tham mưu tổ chức nhiều đợt xúc tiến, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các siêu thị và tại một số tỉnh, thành phố³⁶.

2.2. Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 14/4/2023 về việc thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2023-2025; và Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 6/3/2024 về việc thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới năm 2024 và triển khai đến các Sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh³⁷.

Các cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội; góp phần phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; thúc đẩy sự tham gia tích cực và chủ động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác vào phát triển kinh tế du lịch nông thôn thông qua các hình thức liên kết chuỗi giá trị du lịch hiệu quả.

Giai đoạn 2021 - 2025, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã tổ chức 05 lớp tập huấn Chương trình phát triển du lịch nông thôn cho 371 người là các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực du lịch nông nghiệp nông thôn và lao động du lịch nông thôn.

2.3. Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh

Thực hiện Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM

³⁶ Tại các siêu thị và tỉnh, thành phố: Co.opmart, Big C, và tại các tỉnh: Nghệ An, Nam Định, Yên Bái, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Sơn La, Quảng Bình, Thừa Thiên – Huế; định kỳ hàng năm tổ chức các gian hàng giới thiệu, bán sản phẩm OCOP tại các điểm du lịch của thành phố Sầm Sơn...; định kỳ hàng năm tổ chức các gian hàng giới thiệu, bán sản phẩm OCOP tại các điểm du lịch của thành phố Sầm Sơn...; tổ chức phiên livestream giới thiệu sản phẩm OCOP Thanh Hoá; biên tập và phát hành hàng năm cuốn catalogue và cuốn Bản tin sản xuất, thị trường và tiêu thụ sản phẩm OCOP để giới thiệu quảng bá sản phẩm OCOP tỉnh; tuyên truyền trên website và fanpage OCOP tiếp cận trên 700 ngàn lượt người xem trong và ngoài tỉnh. Phần lớn các sản phẩm OCOP đều được quảng bá, giới thiệu trên các sàn thương mại điện tử như: Voso.vn, Posmart.vn, lazada, shopee, tiki,...

³⁷ tham mưu đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá du lịch Thanh Hóa trên đài truyền hình Trung ương và địa phương, trên nền tảng số; xây dựng các trailer giới thiệu các khu, điểm du lịch; sản xuất ấn phẩm, vật phẩm gắn với bộ nhận diện thương hiệu du lịch Thanh Hoá...; tổ chức đón đoàn Famtrip khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long đến khảo sát, đánh giá sản phẩm du lịch, kết nối tour tuyến du lịch tại các khu, điểm du lịch, trong đó các các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn thị xã Nghi Sơn, các huyện: Thường Xuân, Thọ Xuân, Yên Định, Bá Thước, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc... góp phần quảng bá, liên kết phát triển các điểm du lịch nông thôn của tỉnh.

thông minh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, làm căn cứ để các ngành, địa phương triển khai thực hiện thúc đẩy chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực hạ tầng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho các địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông phát triển hạ tầng, mở rộng mạng lưới, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các đơn vị có liên quan để tham mưu, thẩm định các chương trình, dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh³⁸.

2.4. Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn

Trên cơ sở Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023-2025, các sở, ngành và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã chủ động thực hiện và phối hợp thực hiện các nội dung của Kế hoạch, bước đầu đạt được những kết quả nổi bật:

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản về việc tăng cường triển khai thực hiện các giải pháp để duy trì và chỉnh trang cảnh quan môi trường nông thôn trong xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về BVMT đến tất cả các cấp, các ngành và mọi người dân bằng nhiều hình thức³⁹; thường xuyên phối hợp với các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh để tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn⁴⁰.

Văn phòng Điều phối NTM tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch⁴¹, triển khai xây dựng 10 mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu tại 10 xã thuộc 10 huyện; từ kinh phí hỗ trợ 7.000 triệu đồng, đã huy động 8.150 triệu đồng đối ứng của địa phương và nhân dân

³⁸ Chương trình được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số, 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng, vượt chỉ tiêu so với chỉ tiêu đến năm 2025. Đến nay, toàn tỉnh đã triển khai xây dựng được 27 thôn thông minh thuộc 27 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

³⁹ Hằng tuần mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về BVMT trên Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, đưa tin biểu dương những gương người tốt, việc tốt trong công tác BVMT, phản ánh những cơ sở sản xuất, những địa phương chưa thực hiện nghiêm Luật BVMT, còn để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện việc xử lý, phân loại rác thải, bảo vệ môi trường. Một số mô hình về bảo vệ môi trường được duy trì và ngày càng phát huy nhân rộng, như: Phân loại rác thải tại nguồn kết hợp chống rác thải nhựa (các huyện Nông Công, Thiệu Hóa); xử lý chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ làm phân bón vi sinh quy mô hộ gia đình (huyện Hoằng Hóa, thị xã Nghi Sơn, Vĩnh Lộc); mô hình ngôi nhà thu gom phế liệu phòng chống rác thải nhựa tại trường học (huyện Hậu Lộc),...

⁴⁰ Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh tăng lên 98,17%; 6 tháng đầu năm 2025, số hộ dân được sử dụng nước sạch tăng thêm 2.526 hộ so với cuối năm 2024 (bằng 0,35% hộ dân nông thôn) nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch lên 64,35%; cấp mới 13 mã số vùng trồng với 120,18 ha, nâng tổng số vùng trồng được cấp mã lên 121 vùng với 1.125 ha.

⁴¹ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 05/6/2023 về thực hiện các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu năm 2023.

đóng góp để thực hiện mô hình.

2.5. Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM

Lực lượng Công an từ tỉnh đến cơ sở chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ ANTT và phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ phù hợp với đặc điểm, tình hình địa bàn nông thôn gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần xây dựng NTM; hằng năm triển khai các văn bản về bảo đảm tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là: Kế hoạch về công tác Công an thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM và Chương trình nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM; hướng dẫn về thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và thủ tục, hồ sơ xét, công nhận tiêu chí ANTT xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, huyện NTM, huyện NTM nâng cao; hướng dẫn về tập trung duy trì, thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM; tập trung lực lượng, triển khai quyết liệt các biện pháp công tác Công an để bảo đảm tiêu chí ANTT phục vụ xây dựng NTM⁴².

2.6. Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM

Tại Quyết định số 5060/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025” (gọi tắt là Đề án 5060), Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM đã được lồng ghép vào “Chương trình 2: Ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh và xây dựng NTM” của Đề án⁴³.

2.7. Kết quả thực hiện các mô hình thí điểm thuộc Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương về triển khai các mô hình thí điểm nêu trên, UBND tỉnh Thanh Hóa đã chỉ đạo các sở, ngành

⁴² An ninh trên các tuyến, lĩnh vực, địa bàn, mục tiêu trọng điểm tiếp tục được giữ vững ổn định, không xảy ra đột xuất, bất ngờ và hình thành “điểm nóng” phức tạp về ANTT; nắm chắc tình hình, kịp thời tham mưu chỉ đạo giải quyết ổn định các vụ khiếu kiện vượt cấp ra Trung ương, khiếu kiện phức tạp và tiềm ẩn khiếu kiện trên địa bàn tỉnh. 100% tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý, kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đảm bảo đúng pháp luật và yêu cầu đề ra. Tội phạm về trật tự xã hội năm sau giảm so với năm trước; kết quả điều tra khám phá án đạt tỷ lệ cao (trên 85%); không có tội phạm hoạt động “lộng hành”, hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Đấu tranh triệt xóa được nhiều chuyên án lớn về hình sự, kinh tế được Bộ Công an biểu dương, khen thưởng; tội phạm về ma túy đã được đấu tranh và kiểm soát hiệu quả, không còn điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; hoạt động của người nghiện được quản lý chặt chẽ. Công tác đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường đạt nhiều kết quả tích cực. Hiện nay, toàn tỉnh đang duy trì hiệu quả hoạt động của 1.037 mô hình trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ với 4.578 điểm nhân rộng trên địa bàn (mô hình “Xã tự quản không ma túy” tại xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân đã được Ban Chỉ đạo 138 Trung ương thông báo nhân rộng toàn quốc và mô hình “Camera với ANTT” trong xây dựng NTM được Cục V05, Bộ Công an thông báo nhân rộng trên toàn quốc). Duy trì hoạt động hiệu quả 2.120 mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC”; 1.1670 mô hình “Điểm chữa cháy công cộng; 146 mô hình “Tái hòa nhập cộng đồng.

⁴³ Từ năm 2021 đến nay, hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN thuộc 06 chương trình KH&CN trọng điểm của tỉnh, giai đoạn 2021-2025. Trong số các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, có từ 10-15 nhiệm vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng NTM.

có liên quan, các địa phương có mô hình thí điểm, căn cứ các quy định của pháp luật và điều kiện thực tế để thực hiện các bước trình tự, thủ tục theo các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các bước về trình tự, thủ tục lập dự án có khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến việc triển khai xây dựng mô hình, cụ thể như sau:

a. Mô hình chuỗi giá trị sản phẩm chế biến từ cá tại HTX sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nông nghiệp Quảng Phúc, huyện Quảng Xương⁴⁴:

Khó khăn, vướng mắc: Theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 và Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa quy định đối với các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện trên địa bàn tỉnh, mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/01 dự án. Do đó, nếu triển khai thực hiện sẽ không đáp ứng được các yêu cầu về quy mô, mục tiêu của mô hình thí điểm đề ra.

b. Mô hình phát triển chuỗi du lịch nông nghiệp, nông thôn liên kết các điểm đến hình thành tour du lịch Pù Luông tại huyện Bá Thước⁴⁵:

Khó khăn, vướng mắc: Mô hình là dự án có quy mô lớn, liên quan đến nhiều dự án nhỏ thành phần, nhiều ngành, lĩnh vực (*nông nghiệp, văn hóa, du lịch...*), tổng mức đầu tư dự kiến của mô hình khoảng 60 tỷ đồng. Trong điều kiện, huyện Bá Thước là huyện miền núi, nguồn ngân sách huyện còn gặp nhiều khó khăn, không thể cân đối nguồn vốn để hoàn thành mô hình thí điểm.

c. Mô hình thí điểm “Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn trên địa bàn xã Xuân Du, huyện Như Thanh”⁴⁶.

Hiện nay, vị trí dự kiến xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến tổng kinh phí thực hiện mô hình khoảng 10 tỷ đồng (*Chưa bao gồm phần Hệ thống bể BASTAF có cải tiến kết hợp sử dụng chế phẩm sinh học và hệ thống ống lọc đầu ra do nhân dân tự thực hiện*), trong khi ngân sách huyện, xã không đảm bảo nguồn đối ứng để thực hiện hoàn thành mô hình; theo quy định, việc xử lý nước thải cần phải được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật và có nguồn kinh phí để quản lý, vận hành, khai thác công trình.

d. Mô hình “Xử lý chất thải và phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn các xã

⁴⁴ Được phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-BNN-VPĐP ngày 08/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025 (đợt 1).

⁴⁵ Được phê duyệt tại Quyết định 2478/QĐBNN-VPĐP ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đợt 2).

⁴⁶ Được phê duyệt tại Quyết định số 1796/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM, giai đoạn 2021-2025.

của huyện Hoàng Hóa”⁴⁷.

Hợp tác xã sản xuất Thương mại nông nghiệp sạch Hoàng Đạo (*đơn vị dự kiến giao thực hiện mô hình*) đang thuê đất ngân sách do UBND xã quản lý là đất trồng cây hằng năm; đến nay, chưa được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh, do đó, không được phép xây dựng nhà xưởng; đơn vị chưa thực hiện ký kết hợp đồng thu mua chất thải và phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn các xã của huyện Hoàng Hóa, không đảm bảo các điều kiện để thực hiện dự án; mặt khác, ngân sách huyện, xã không đảm bảo được nguồn vốn đối ứng để thực hiện mô hình.

3. Kết quả phân bổ và giải ngân vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình

3.1. Ngân sách Trung ương.

a) Vốn đầu tư phát triển:

* Tổng vốn trung ương giao giai đoạn 2021-2025: 2.147,390 tỷ đồng, gồm:

+ Đợt 1: 1.920,5 tỷ đồng (*tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Đợt 2 (*vốn bổ sung*): 234,420 tỷ đồng (*tại Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Đợt 3 (*vốn điều chỉnh giảm*): 7,530 tỷ đồng (*tại Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ*).

* Số vốn trung hạn đã phân bổ chi tiết đến từng dự án và mức vốn: 2.147,390 tỷ đồng:

- Tỷ lệ giải ngân vốn giai đoạn 2021-2024: 99,5% (*1.616,325/1.623,735 tỷ đồng*).

- Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2025 (*tính đến 31/5/2025*): 70,32% (*373,457/531,065 tỷ đồng*), trong đó:

+ Vốn hỗ trợ đầu tư NSTW kéo dài sang năm 2025 là 261,3/7,410.383 triệu đồng (*đã có xác nhận của kho bạc*), tiến độ giải ngân đạt 3,53%.

+ Kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư NSTW năm 2025: 373,196/523,655 triệu đồng, tiến độ giải ngân đạt 71,27%.

b) Vốn sự nghiệp:

- Tổng số vốn trung ương giao giai đoạn 2021 - 2025: 568.250 tỷ đồng (*năm 2025: 114.411 triệu đồng*), đã phân bổ chi tiết 111.972 triệu đồng, tiến độ giải ngân 5 tháng đầu năm 2025 đạt 11%.

3.2. Ngân sách tỉnh.

⁴⁷ Được phê duyệt tại Quyết định số 859/QĐ-BNN-VPĐP ngày 28/3/2024 về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM, giai đoạn 2021-2025 (đợt 3).

Thực hiện chính sách khuyến khích xây dựng NTM của tỉnh, giai đoạn 2021 – 2025 (*tính đến hết tháng 5/2025*), tổng số vốn ngân sách tỉnh bố trí thực hiện chính sách NTM là: 805.312 triệu đồng (*trong đó: năm 2021: 169.725 triệu đồng; năm 2022: 127.782 triệu đồng; năm 2023: 149.925 triệu đồng; năm 2024: 182.500 triệu đồng; năm 2025: 175.380 triệu đồng*).

4. Kết quả huy động nguồn lực

Tổng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2021-2025 (*tính đến hết tháng 5/2025*) khoảng 29.914.964 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Nhà nước trực tiếp cho Chương trình: 15.797.772 triệu đồng, chiếm 53%.
- + Ngân sách trung ương: 2.715.640 triệu đồng;
- + Ngân sách tỉnh: 805.312 triệu đồng;
- + Ngân sách huyện/xã: 12.358.432 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép: 4.876.541 triệu đồng, chiếm 16,4%;
- Vốn tín dụng: 4.029.734 triệu đồng, chiếm 14%;
- Vốn doanh nghiệp, HTX: 810.166 triệu đồng, chiếm 2,73%;
- Vốn huy động từ cộng đồng dân cư (*bao gồm tiền mặt và giá trị ngày công lao động, vật tư, vật liệu, hiến đất*): 4.400.751 triệu đồng, chiếm 14,8%; (*không bao gồm kinh phí người dân tự chỉnh trang nhà ở dân cư*).

5. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh có 08 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; 64 xã và 261 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM; 04 huyện và 103 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 31 xã và 598 thôn, bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có 582 sản phẩm OCOP đã được công nhận.

Lũy kế đến nay (*tính đến ngày 08/6/2025*), tỉnh Thanh Hóa đã có 15 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM⁴⁸; 374/449 xã, 831 thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM (*đã “xóa trắng” xã NTM trên địa bàn huyện Mường Lát*); 04 huyện, 125 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 33 xã, 629 thôn, bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có 645 sản phẩm OCOP đã được công nhận (*trong đó: có 02 sản phẩm 5 sao là Nước mắm Lê Gia và Mắm tôm Lê Gia, 59 sản phẩm 4 sao và 584 sản phẩm 3 sao*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Giai đoạn 2021-2025, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức; song, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sát sao của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các

⁴⁸ Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Ngọc Lặc đạt chuẩn NTM năm 2024.

ngành, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân, Chương trình của tỉnh tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, tích cực, đó là:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình đã được các cấp, các ngành thực hiện quyết liệt, đồng bộ; kịp thời ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách, các văn bản triển khai thực hiện tạo hành lang pháp lý để thực hiện Chương trình.

- Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo, tạo sự thống nhất và phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện.

- Việc lồng ghép về chỉ đạo, điều hành, nguồn lực thực hiện Chương trình; các cơ chế triển khai Chương trình đã được thực hiện đảm bảo theo quy định; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được quan tâm thực hiện.

- Đã bám sát mục tiêu, nội dung Chương trình, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, với cách làm chủ động, sáng tạo, hiệu quả; gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng NTM; tiến hành xây dựng NTM đồng bộ cả quy mô cấp huyện, xã, thôn, bản và các cấp độ NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, phù hợp với điều kiện thực tế, từng vùng miền của tỉnh.

- Một số kết quả cụ thể, nổi bật: **(1)** Số lượng xã đạt chuẩn của tỉnh thuộc top đầu cả nước⁴⁹; **(2)** Nhiều mô hình kiểu mẫu trong xây dựng NTM được MTTQ các cấp và các tổ chức chính trị xã hội, triển khai và nhân rộng⁵⁰; **(3)** Phong trào hiến đất, đóng góp trong thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các địa phương được Nhân dân đồng tình ủng hộ, tạo hiệu ứng tích cực và kết quả thiết thực đối với việc phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, nhất là về cảnh quan môi trường và giao thông nông thôn⁵¹. **(4)** Chất lượng của các xã được công nhận đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu được nâng lên; **(5)** Số lượng sản phẩm OCOP thuộc top 3 cả nước và đa dạng về chủng loại (*đại diện cho các vùng miền của tỉnh: ven biển, đồng bằng và miền núi*) và có bước tiến đáng ghi nhận trong việc xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP 5 sao.

- Kết quả thực hiện Chương trình tiếp tục góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống đại bộ phận người dân nông thôn, hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn được tăng cường, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn; nhiều mô hình phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết giá trị đã đem lại hiệu quả; các hoạt động văn hoá - thể thao và học tập trong cộng

⁴⁹ Là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về số xã, đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao; là tỉnh có 04 huyện NTM nâng cao đầu tiên của khu vực Bắc Trung Bộ.

⁵⁰ Mô hình khu dân cư sáng-xanh-sạch đẹp an toàn gắn với xây dựng NTM kiểu mẫu; tuyến đường thanh niên kiểu mẫu “con đường bích họa”, “cột điện nở hoa”, “hàng cây thanh niên”; “Nhà sạch, vườn mẫu”, “Nhà sạch, vườn đẹp”; “Phân loại và xử lý rác thải hữu cơ”; ...

⁵¹ Năm 2024, toàn tỉnh ước hiến được khoảng 480.000 m² đất (trong đó, đất ở hơn 200.000 m², đất khác gần 280.000m²). Trong giai đoạn 2021-2024, toàn tỉnh hiến được khoảng 1.980.000 m² đất (trong đó, đất ở hơn 800.000 m², đất khác gần 1.180.000m²). Các hộ dân đã dời, phá dỡ khoảng 700 nhà ở dân cư (trị giá hơn 60 tỷ đồng); phá dỡ hơn 2.400 công trình (gồm tường rào, công nhà, sân, nhà vệ sinh..., trị giá hơn 90 tỷ đồng); nhân dân đóng góp tiền mặt hơn 900 tỷ đồng và hơn 870 nghìn ngày công lao động (trị giá khoảng 320 tỷ đồng)

đồng được duy trì và phát triển, y tế giáo dục tiếp tục được chăm lo; môi trường nông thôn đã từng bước được cải thiện; an ninh trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo; diện mạo thôn, xã đổi mới mạnh mẽ.

2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, hạn chế.

- Số xã chưa đạt chuẩn NTM chủ yếu tập trung ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa (71/75 xã, tỷ lệ 94.67%), điều kiện rất khó khăn, ảnh hưởng lớn đến khả năng hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM của từng năm và cả giai đoạn 2021-2025.

- Một số địa phương sau khi được công nhận thì việc duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM (ở các mức độ đạt chuẩn và nâng cao), chưa được quan tâm đúng mức, kết quả đạt được còn hạn chế.

- Sản phẩm OCOP được công nhận vượt kế hoạch được giao, tuy nhiên, sản phẩm chủ yếu là 3 sao, sản phẩm đạt 4 sao và 5 sao còn ít.

- Một số nội dung, tiêu chí NTM (ở các mức độ và cấp độ) yêu cầu cao, cần có thời gian, lộ trình và kinh phí (lớn) để thực hiện⁵².

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Do tác động bất lợi của nền kinh tế sau đại dịch COVID-19 và tình hình suy thoái kinh tế thế giới đã ảnh hưởng rất lớn, tiêu cực đối với việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

+ Khung văn bản thực hiện Chương trình của Trung ương ban hành (năm 2022) sau khi phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của các địa phương, nên ảnh hưởng nhất định đến việc bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình.

+ Do yêu cầu của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 cao hơn yêu cầu Bộ tiêu chí giai đoạn 2015-2020; trong khi thời điểm xây dựng kế hoạch dựa trên yêu cầu Bộ tiêu chí cũ giai đoạn 2016-2020, nên ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành các tiêu chí NTM.

+ Cơ chế hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện mô hình phát triển sản xuất còn bất cập, nhỏ lẻ, ảnh hưởng nhất định đến công tác tổ chức triển khai thực hiện ở các địa phương⁵³.

⁵² Tiêu chí số 2 về giao thông (các tuyến đường huyện phải đạt 100% chuẩn theo quy hoạch; bến xe khách tại huyện (nếu có theo quy hoạch) phải đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên); tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (bao gồm hộ nghèo và cận nghèo); thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực; vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng; hình thức thu gom xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt; mô hình xử lý nước mặt; tỷ lệ phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn.

⁵³ Đã được Chính phủ báo cáo Quốc hội về bất cập, khó khăn khi thực hiện mô hình phát triển sản xuất từ nguồn vốn hỗ trợ của 03 chương trình MTQG, ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành cơ chế đặc thù thực hiện tại Nghị quyết số 111/2024/QH15.

- Nguyên nhân chủ quan: Một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự chủ động, thiếu quyết liệt và sáng tạo trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình ngay tại địa phương mình.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Xây dựng NTM phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của cấp ủy, chính quyền và sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị. Bám sát định hướng xây dựng NTM của Trung ương; phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của địa phương, cơ sở, triển khai thực hiện đồng bộ các tiêu chí, có lộ trình phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng địa phương.

2. Phải thực sự phát huy vai trò chủ thể của người dân. Người dân là chủ thể, người trực tiếp thực hiện, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện và hưởng lợi. Vì vậy, quá trình thực hiện phải lấy ý kiến người dân một cách nghiêm túc, từ khâu xây dựng đề án, góp ý quy hoạch đến việc xác định công trình, hạng mục đầu tư, tạo sự đồng thuận, tham gia đóng góp trí tuệ, kinh nghiệm, công sức vật chất và tinh thần của người dân. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, làm cho dân hiểu, dân tin, dân hưởng ứng bằng sự tham gia bàn bạc, hiến kế, đóng góp công sức, tiền của và chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình.

3. Xây dựng nông thôn thực chất là thực hiện các nội dung cụ thể để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Do đó, phải gắn xây dựng NTM với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách cho phù hợp với nguồn lực, điều kiện thực tế của địa phương và nguyện vọng của người dân. Thực hiện phân cấp cho cơ sở trong thực hiện, nhất là cộng đồng dân cư và quy định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành. Ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ sản xuất như giao thông, thủy lợi nội đồng, tập trung cho các công trình do thôn và cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức thực hiện, tận dụng, nâng cấp các công trình hiện có phù hợp tiêu chí NTM. Lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực đa dạng; tranh thủ nguồn lực và sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

5. Xây dựng NTM là một quá trình lâu dài, không được chủ quan, nóng vội, chạy theo thành tích, nhưng phải hết sức tích cực, quyết liệt, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm hoàn thiện; tránh tư tưởng nóng vội, chạy theo thành tích hoặc trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của cấp trên.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2035

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG, ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN TỚI

1. Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan;

2. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề "Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030".

5. Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 3/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

7. Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

8. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của cả nước giai đoạn 2021-2025.

II. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU GIAI ĐOẠN TỚI

1. Số xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu

Căn cứ mục tiêu xây dựng NTM đã được giao đến năm 2030 tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở dự kiến của TW, kết quả đánh giá thực trạng xây dựng NTM của các địa phương trên địa bàn tỉnh⁵⁴, đề xuất mục tiêu như sau:

⁵⁴ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025: "Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của trung ương và địa phương áp dụng đối với đơn vị hành chính như trước khi

- Phân đầu đến năm 2030, có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn NTM tương đương 132 xã, trong đó, có 50% số xã NTM nâng cao tương đương 66 xã; có 10% số xã NTM kiểu mẫu tương đương 13 xã; khoảng 50% số xã NTM nâng cao đạt 70% số tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tương đương 33 xã. Không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- Phân đầu đến 2035 có ít nhất 95% số xã đạt chuẩn NTM; 70% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 25% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 60% số xã NTM nâng cao đạt 70% số tiêu chí xã NTM kiểu mẫu⁵⁵.

2. Số thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn NTM:

- Số thôn, bản thuộc xã ĐBKK được công nhận đạt chuẩn NTM: 40 thôn, bản.
- Số thôn, bản còn lại được công nhận đạt chuẩn NTM: 167 thôn, bản;
- Số thôn, bản được công nhận NTM kiểu mẫu: 472 thôn, bản.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỚI

Tổng nhu cầu huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2026-2030 khoảng 40.897.275 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Nhà nước trực tiếp cho Chương trình: 21.408.726 triệu đồng, chiếm 54%.
- + Ngân sách trung ương: 3.131.645 triệu đồng;
- + Ngân sách tỉnh: 1.225.809 triệu đồng;
- + Ngân sách xã: 17.051.272 triệu đồng;
- Vốn lồng ghép: 6.571.211 triệu đồng, chiếm 16%;
- Vốn tín dụng: 6.126.918 triệu đồng, chiếm 16%;
- Vốn doanh nghiệp, HTX: 987.886 triệu đồng, chiếm 2%;

sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền”, dự kiến hiện trạng xây dựng xã NTM của 147 xã của tỉnh sau sáp nhập, như sau:

- Xã đạt chuẩn NTM (là các xã đã đạt chuẩn NTM sáp nhập với xã đạt chuẩn NTM; hoặc xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu): 102 xã (chiếm 69,38% tổng số xã). Những xã này sẽ phải tiếp tục duy trì chất lượng và hoàn thành đầy đủ mức đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026- 2030.

- Xã đạt NTM nâng cao (là các xã NTM nâng cao nhập với xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu): 01 xã (chiếm 0,98% tổng số xã đạt chuẩn NTM). Những xã này sẽ phải tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng để đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2026- 2030. Đồng thời, tiếp tục phấn đấu xây dựng NTM kiểu mẫu (sau khi đạt NTM nâng cao).

- Xã chưa đạt chuẩn NTM (các xã chưa đạt chuẩn NTM nhập với các xã đã đạt chuẩn NTM; xã đạt chuẩn NTM nâng cao; hoặc xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu): 45 xã chiếm 30,62%.

⁵⁵ Chỉ tiêu xã NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu giai đoạn 2026-2030 và đến 2035 được xây dựng dựa trên cơ sở định hướng của Trung ương trong thời gian tới.

- Vốn huy động từ cộng đồng dân cư (*bao gồm tiền mặt và giá trị ngày công lao động, vật tư, vật liệu, hiến đất*): 5.802.534 triệu đồng, chiếm 14% (*không bao gồm kinh phí người dân tự chỉnh trang nhà ở dân cư*).

IV. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG THỜI GIAN TỚI

Để triển khai hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1. Ngay sau khi Trung ương ban hành khung văn bản pháp lý tổ chức triển khai thực hiện Chương trình sẽ hoàn thiện và ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng đồng bộ, thống nhất, phù hợp với mô hình tổ chức hành chính hai cấp (*tỉnh - xã*), đặc biệt là các quy định về cơ chế lồng ghép nguồn lực, cơ chế huy động và điều phối hiệu quả nguồn lực một cách linh hoạt.

2. Chuyển trọng tâm từ phát triển số lượng sang nâng cao chất lượng, đặc biệt chú trọng duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí sau đạt chuẩn NTM. Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương triển khai xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu theo hướng hiện đại, phù hợp với điều kiện và đặc thù vùng miền.

3. Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng NTM. Người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát Chương trình. Doanh nghiệp cần được tạo môi trường thuận lợi để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo sinh kế và việc làm bền vững.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động tối đa nguồn lực, nhất là nguồn lực trong Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; căn cứ vào tình hình thực tế, xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích xây dựng NTM, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển cho các địa bàn khó khăn nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền.

5. Lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình MTQG, chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu và các dự án đầu tư khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn, bảo đảm tập trung, tránh dàn trải, trùng lặp; phát huy vai trò điều phối tổng thể của cấp tỉnh trong tổ chức thực hiện.

6. Đẩy mạnh vận động các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đăng ký hỗ trợ thực hiện Chương trình; khuyến khích các địa phương có điều kiện kinh tế phát triển hỗ trợ địa phương khó khăn. Người dân tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, thông qua Hội đồng nhân dân xã và được cộng đồng thống nhất.

7. Tăng cường hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế tín dụng phù hợp để hỗ trợ phát triển sản xuất, Chương trình OCOP, công nghệ chế biến vừa và nhỏ, cấp

nước sạch và vệ sinh môi trường. Khuyến khích các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia cho vay ủy thác. Tiếp tục vận động các nhà tài trợ quốc tế, tổ chức phi chính phủ hỗ trợ nguồn lực, kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm triển khai các nội dung cấp thiết của Chương trình; tranh thủ các nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại để tăng cường đầu tư.

8. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng; thực hiện đầy đủ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên; chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm, tiêu cực, lãng phí trong quá trình tổ chức thực hiện.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Trung ương:

1. Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thực hiện Chương trình sớm ban hành khung pháp lý thực hiện Chương trình làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện, đồng bộ với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026 - 2030;

2. Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền quyết định mô hình tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình giai đoạn tới theo hướng tinh gọn, chuyên trách, phù hợp với chủ trương tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp, không còn cấp huyện, trong đó, xác định rõ vai trò điều phối tổng thể ở cấp tỉnh và tăng cường năng lực tổ chức thực hiện ở cấp xã./.

Nơi nhận:

- BCD TW các Chương trình MTQG (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Văn phòng Điều phối NTM TW (để b/c);
- Trưởng BCD, các Phó Trưởng BCD tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCD tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Đức Giang**